

Hạnh phúc của phụ nữ Việt Nam và các yếu tố ảnh hưởng

Trần Quý Long*

Tóm tắt: Bài viết phân tích các yếu tố nhân khẩu học - xã hội ảnh hưởng như thế nào đến tình trạng hạnh phúc của phụ nữ 15-49 tuổi qua việc sử dụng số liệu Điều tra các mục tiêu phát triển bền vững về trẻ em và phụ nữ Việt Nam 2020-2021. Kết quả phân tích 10.770 phụ nữ ở độ tuổi 15-49 được khảo sát cho thấy có 64,4% phụ nữ cho biết họ hạnh phúc với cuộc sống và theo kết quả phân tích những yếu tố thuộc về đặc trưng cá nhân và gia đình đều có khả năng giải thích một cách có ý nghĩa thống kê đối với tình trạng hạnh phúc của phụ nữ. Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng các chính sách không chỉ tập trung nhiều hơn vào nhóm phụ nữ trung niên, dân tộc thiểu số, mức sống thấp mà còn là cách thức mang lại hạnh phúc cho phụ nữ thông qua việc cải thiện giáo dục và mối quan hệ xã hội.

Từ khóa: Hạnh phúc; Phụ nữ; Cuộc sống gia đình; Chất lượng sống.

Phân loại ngành: Xã hội học.

Ngày nhận bài: 19/5/2023; ngày chỉnh sửa: 7/8/2023; ngày duyệt đăng: 25/9/2023.

1. Đặt vấn đề

Hạnh phúc là một giá trị quan trọng phản ánh chất lượng sống của con người và có thể được coi là một mục tiêu cốt lõi mà mỗi quốc gia, cộng đồng và cá nhân muốn hướng đến. Hạnh phúc vừa là một nhu cầu tự thân vừa là đầu ra của toàn bộ quá trình phát triển của con người, luôn gắn liền với niềm vui, sự lạc quan, hy vọng và có mối quan hệ đặc biệt với sức khỏe, thể chất và tinh thần của một cá nhân. Là một khái niệm đa chiều và phức tạp, theo nghĩa rộng nhất, hạnh phúc có nghĩa là có một thái độ lạc quan tích cực đối với cuộc sống, là quá trình đánh giá toàn diện về cuộc sống dựa trên những tiêu chí đạt được do nỗ lực của một cá

* TS., Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

nhân. Hạnh phúc là những đánh giá chủ quan thông qua nhận thức và cảm xúc của một cá nhân về cuộc sống của họ, quá trình đánh giá dựa trên trạng thái ổn định, lâu dài chứ không phải là trạng thái tinh thần hay cảm xúc viên mãn nhất thời (Lê Ngọc Văn, 2017). Tình trạng hạnh phúc chủ quan đạt được khi ai đó được trải nghiệm cảm xúc dễ chịu, ít khi gặp tâm trạng tiêu cực và có sự hài lòng cao về cuộc sống, do đó hạnh phúc được coi là một chỉ báo ổn định. Có thể thấy, đánh giá mức độ hạnh phúc của một cá nhân thường dựa vào tiêu chí chủ quan chứ không phải khách quan và dựa trên sự đánh giá chung nhất về cuộc sống. Dù có nhiều cách hiểu khác nhau về hạnh phúc, nhưng khái niệm này vẫn có điểm chung được hiểu là trạng thái thoải mái, thỏa mãn, hài lòng của một cá nhân với cuộc sống của họ.

Việc phân tích, tìm hiểu một người đánh giá mức độ hạnh phúc với cuộc sống theo nhận định của họ là cần thiết vì thông qua kết quả nghiên cứu có thể góp phần thúc đẩy việc cải thiện các chính sách và lĩnh vực liên quan về phúc lợi kinh tế, xã hội, môi trường cho những nhóm xã hội phụ nữ khác nhau. Bài viết tập trung vào phân tích và chỉ ra mối quan hệ giữa các yếu tố nhân khẩu học xã hội với tình trạng hạnh phúc trong cuộc sống của phụ nữ 15-49 tuổi từ số liệu Điều tra các mục tiêu phát triển bền vững về trẻ em và phụ nữ Việt Nam 2020-2021 (SDGCW).

2. Tổng quan

Các nghiên cứu đi trước đã cho thấy hạnh phúc của một cá nhân phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Theo Báo cáo nghiên cứu hạnh phúc thế giới năm 2017, giáo dục là yếu tố có tác động tích cực đến hạnh phúc nhưng không phải là yếu tố giải thích mạnh mẽ nhất (Helliwell và cộng sự, 2017). Trình độ học vấn càng cao, cá nhân càng có xu hướng hài lòng với nghề nghiệp của mình hơn. Điều này có thể được lý giải đơn giản là với trình độ học vấn càng cao thì các cá nhân càng đủ năng lực để cân nhắc, suy xét, tìm kiếm một công việc phù hợp, cũng như với trình độ học vấn cao, cá nhân mới có đủ điều kiện để có thể lựa chọn những công việc mà mình yêu thích hay đáp ứng tốt nhất kỳ vọng của mình. Giáo dục có thể thay đổi khả năng nhận thức của cá nhân để hiểu con người và sự vật, ảnh hưởng đến khả năng nhận được sự hỗ trợ tinh thần liên tục và tăng mức độ hạnh phúc của họ (Wen Xu và cộng sự, 2019). Một nghiên cứu ở Mỹ cho thấy, phụ nữ Mỹ có số năm đi học nhiều hơn thì có khả năng hạnh phúc cao hơn (Najmeh Maharlouei và cộng sự, 2020). Một nghiên cứu về hạnh phúc ở Việt Nam nhận xét rằng, người Việt Nam có truyền thống hiếu học, thích bằng cấp, việc không đạt được trình độ học vấn cao sẽ làm giảm hạnh phúc của họ (Lê Ngọc Văn, 2019).

Thành phần dân tộc có mối quan hệ với hạnh phúc của phụ nữ. Kết quả nghiên cứu của một nhóm tác giả ở Mỹ dựa trên số liệu khảo sát xã hội tổng quát cho thấy, ảnh hưởng của thành phần dân tộc có ý nghĩa đối với hạnh phúc của phụ nữ, người da trắng (dân tộc đa số) báo cáo họ có mức độ hạnh phúc cao hơn so với các nhóm dân tộc khác. Đây không phải là một phát hiện hiếm gặp khi các nhóm dân tộc thiểu số (ví dụ như người da đen, người Mỹ gốc Á, v.v.) đánh giá mức độ hạnh phúc của họ thấp hơn so với người da trắng. Các nhóm dân tộc bao gồm cả người da đen đã phải chịu những bất lợi về kinh tế, phân biệt đối xử (Najmeh Maharlouei và cộng sự, 2020). Một nghiên cứu ở Việt Nam cũng cho thấy, tiêu chí kinh tế là hết sức quan trọng để tạo nên hạnh phúc khi đồng bào các dân tộc còn vất vả trong cuộc sống mưu sinh (Đặng Thị Hoa, 2017).

Một số nghiên cứu trên thế giới cho thấy có mối quan hệ giữa yếu tố kết hôn hoặc sống chung với người khác giới có ảnh hưởng đến hạnh phúc. Chẳng hạn, việc có một đối tác trong cuộc sống (vợ chồng, sống chung không kết hôn...) là một yếu tố quan trọng đối với hạnh phúc của cá nhân ở các nước phương Tây (Mỹ, Anh, Úc) trong khi ở Indonesia thì ít hơn, vì vậy có lẽ phản ánh tầm quan trọng lớn hơn của gia đình đầy đủ đối với hạnh phúc của một cá nhân (John Helliwell và cộng sự, 2017). Kết hôn có nghĩa là liên quan đến việc xây dựng mối quan hệ lâu dài, sự hợp tác và cuộc sống gia đình, là một trong những điều quan trọng của nguồn hạnh phúc, do đó, kết hôn có lợi cho hạnh phúc của mỗi người (Hock-Eam Lim và cộng sự, 2020). Nghiên cứu của Wen Xu và cộng sự (2019) cho thấy những người dân Trung Quốc đã ly hôn hoặc góa bụa có mức độ hạnh phúc thấp nhất trong nghiên cứu, ngược lại những người đã kết hôn hoặc sống chung có hạnh phúc cao hơn (Wen Xu và cộng sự, 2019). Hôn nhân đóng một vai trò quan trọng trong hạnh phúc của phụ nữ Mỹ, và những phụ nữ đang kết hôn có xác suất hạnh phúc cao hơn phụ nữ không kết hôn và hệ số tác động của biến số này là mạnh nhất trong mô hình (Najmeh Maharlouei và cộng sự, 2020). Những nghiên cứu khác cho thấy, mạng lưới xã hội rất quan trọng trong việc con người cảm thấy hạnh phúc, và hôn nhân có tác động đáng kể đến thành phần của mạng lưới xã hội và các mối quan hệ xã hội (Hori, Kamo, 2018). Những người đã kết hôn được tận hưởng mối quan hệ tình cảm và sự thân mật tình cảm với người bạn đời của họ. Ngoài ra, họ có nhiều cơ hội hơn để bày tỏ cảm xúc hoặc cảm giác của mình và điều đó có thể dẫn đến việc họ cảm thấy hạnh phúc nhiều hơn (Maryam Azizi và cộng sự, 2017).

Hạnh phúc của phụ nữ có mối liên hệ với số con và sự gắn bó với con cái. Một số nghiên cứu ở Việt Nam cho thấy, những điều phiền muộn và không hài lòng với con của không ít người làm cha mẹ là do nguyên nhân các con ít giúp công việc gia đình (Nguyễn Thị Hoa, 2021; Phan Thị Mai Hương, 2016). Một

nguyên nhân khác có thể xuất phát từ việc ham thích chơi game của các con, việc con thích và dành nhiều thời gian chơi game, ảnh hưởng đến giờ giấc sinh hoạt của trẻ có lẽ cũng là điều phiền muộn của không ít người làm cha mẹ (Nguyễn Thị Hoa, 2021). Một nghiên cứu nhận xét rằng, hơn ai hết người phụ nữ, người mẹ gắn bó với con nhiều hơn người cha và con là yếu tố quyết định hạnh phúc của họ (Lê Ngọc Văn, 2019).

Thu nhập được coi là một chỉ số quan trọng trong hạnh phúc của phụ nữ. Sự tăng trưởng mạnh mẽ về kinh tế làm cho hạnh phúc tăng lên. Một nghiên cứu gần đây của Hock-Eam Lim và cộng sự (2020) đã chỉ ra tác động tích cực của thu nhập đối với hạnh phúc không chỉ ở các xã hội phương Tây mà còn ở Đông Á, Nam Á và Nam Phi dù ở các mức độ khác nhau (Hock-Eam Lim và cộng sự, 2020). Phụ nữ hạnh phúc hơn khi được trả lương cao hơn. Thu nhập có ảnh hưởng đến hạnh phúc của một cá nhân và quan trọng hơn giáo dục ở mọi quốc gia được khảo sát (Helliwell và cộng sự, 2017). Theo lý thuyết nhu cầu, thu nhập hay mức sống có thể giúp cá nhân đáp ứng những nhu cầu vật chất ở bậc thấp như thực phẩm, quần áo, nơi ở, nhưng cũng là một yếu tố có ảnh hưởng lớn tới việc đáp ứng những nhu cầu bậc cao như sự hoàn thiện, sự khẳng định, và được tôn trọng. Do vậy, khi thu nhập, mức sống càng gia tăng, cá nhân càng có điều kiện được đáp ứng các nhu cầu của mình thì họ càng có khả năng tiệm cận tới sự hài lòng chung trong cuộc sống (Nguyễn Thị Vân Hạnh, 2013). Theo Lê Ngọc Văn (2019), một trong những luận điểm của lý thuyết hiện đại hóa cho rằng trong thời kỳ đầu của xã hội công nghiệp hóa, việc tăng lên của thu nhập có ảnh hưởng tích cực đến việc tăng hạnh phúc của cá nhân. Việt Nam là nước đang trong quá trình tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa cho nên sự giàu có của cá nhân và xã hội có ảnh hưởng đáng kể đến cảm nhận hạnh phúc của người dân (Lê Ngọc Văn, 2019).

Sự khác biệt trong cảm nhận hạnh phúc chịu sự ảnh hưởng theo khu vực cư trú thành thị - nông thôn. Báo cáo hạnh phúc thế giới 2020 đã xem xét sự khác biệt về hạnh phúc giữa thành thị và nông thôn trên khắp thế giới cho thấy, dân số đô thị có mức độ hạnh phúc trung bình cao hơn dân số nông thôn (Helliwell và cộng sự, 2020). Hạnh phúc chủ quan (subjective well-being) ở các khu vực đô thị của Trung Quốc có mức độ trung bình lớn hơn so với nông thôn, đó là một mô hình điển hình của các nước đang phát triển (Helliwell và cộng sự, 2020). Có thể ở khu vực nông thôn, người phụ nữ vừa phải nỗ lực kiếm tiền ngoài xã hội vừa phải chăm sóc con và làm việc nhà, việc thực hiện “vai trò kép” đã làm suy giảm hạnh phúc của phụ nữ (Bùi Thị Hương Trâm, 2021). Ngoài ra, do ảnh hưởng khó lường của thiên tai, biến đổi khí hậu, dịch bệnh... đe dọa nghiêm trọng đến sản xuất, chăn nuôi và làm cho thu nhập, sinh kế của các hộ gia đình trở nên bấp bênh ở

nhều vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa là yếu tố làm giảm hạnh phúc của người dân (Lê Ngọc Văn, 2019).

3. Nguồn số liệu và phương pháp nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu về mức độ hạnh phúc của phụ nữ Việt Nam trong độ tuổi 15-49 được thực hiện dựa trên số liệu Điều tra các mục tiêu phát triển bền vững về trẻ em và phụ nữ Việt Nam 2020-2021 (SDGCW). Cuộc điều tra cung cấp các dữ liệu thống kê có thể so sánh quốc tế phục vụ công tác hoạch định chính sách và xây dựng chương trình dựa trên bằng chứng, đồng thời đánh giá tiến trình thực hiện các mục tiêu quốc gia và cam kết toàn cầu. Mẫu Điều tra SDGCW Việt Nam 2020-2021 được thiết kế nhằm đưa ra các ước lượng cho một số lượng lớn các chỉ tiêu phản ánh thực trạng của phụ nữ ở cấp quốc gia, theo khu vực thành thị và nông thôn, theo 6 vùng (Tổng cục Thống kê và UNICEF, 2021). Theo đó, 10.770 phụ nữ ở độ tuổi 15-49 đã được khảo sát.

Biến số phụ thuộc của nghiên cứu là mức độ hạnh phúc của phụ nữ 15-49 tuổi. Điều tra SDGCW Việt Nam 2020-2021 tìm hiểu về hạnh phúc cuộc sống nói chung của phụ nữ 15-49 tuổi. Mức độ hạnh phúc với cuộc sống được người trả lời tự đánh giá theo các phương án “rất hạnh phúc”, “khá hạnh phúc”, “bình thường (không hạnh phúc cũng không buồn)”, “có phần không hạnh phúc” và “rất không hạnh phúc”. Để hỗ trợ người trả lời câu hỏi về mức độ hạnh phúc, người trả lời được xem một bức hình có những khuôn mặt cười và không cười tương ứng với các mức độ của câu trả lời (Tổng cục Thống kê và UNICEF, 2021). Có thể thấy, mức độ hạnh phúc với cuộc sống được chính người phụ nữ tự cảm nhận, đưa ra đánh giá dựa trên cơ sở và tiêu chuẩn do họ tự đặt ra, chứ không phải dựa trên cơ sở và tiêu chuẩn đưa ra từ phía những người thu thập thông tin. Trong nghiên cứu này, biến số phụ thuộc được xây dựng với hai giá trị: 1 = hạnh phúc (gộp lại từ hai phương án trả lời “rất hạnh phúc” và “khá hạnh phúc”) và 0 = ngược lại. Với biến số phụ thuộc có hai giá trị như vậy, mô hình hồi quy đa biến Logistic được sử dụng nhằm tìm hiểu sự ảnh hưởng của từng biến số đặc điểm nhân khẩu học - xã hội cá nhân và đặc điểm gia đình đến tỷ lệ hạnh phúc của phụ nữ 15-49 tuổi khi tính đến ảnh hưởng của các biến số khác trong mô hình.

Biến số độc lập được sử dụng trong nghiên cứu là những đặc điểm nhân khẩu học - xã hội cá nhân và đặc điểm gia đình của phụ nữ trong độ tuổi 15-49 được khảo sát. Độ tuổi của phụ nữ trong mẫu phân tích có sự phân bố đều từ 15 đến 49 tuổi, với giá trị trung bình là 31,9 và độ lệch chuẩn là 9,63. Phụ nữ ở trong gia đình có chủ hộ là dân tộc Kinh chiếm tỷ lệ 87% trong mẫu phân tích, còn chủ hộ dân tộc thiểu số là 13%. 70,4% phụ nữ trong mẫu phân tích đang

sống cùng với chồng, số còn lại là không sống cùng với chồng do góa, ly hôn, ly thân hoặc chưa bao giờ kết hôn. Xét theo học vấn, 13,5% phụ nữ có học vấn từ tiểu học trở xuống, tỷ lệ phụ nữ có học vấn trung học cơ sở và trung học phổ thông là 30% và 27,8%, số còn lại (28,7%) có học vấn từ trung học phổ thông trở lên. Yếu tố mức sống của phụ nữ được xây dựng từ các chỉ báo tài sản thành một biến số ngũ vị phân theo 5 nhóm từ nghèo nhất đến giàu nhất với tỷ lệ mỗi nhóm 20%. 37,4% phụ nữ được khảo sát có nơi cư trú là thành thị và 62,6% có nơi cư trú là nông thôn. Trong số 6 vùng kinh tế - xã hội, gần một phần tư (24%) phụ nữ được khảo sát ở đồng bằng sông Hồng, vùng Đông Nam Bộ có tỷ lệ phụ nữ được khảo sát cao thứ hai, 21,8%, tiếp theo là ở hai vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long, 19,2% và 17%. Tỷ lệ phụ nữ được khảo sát thấp nhất ở vùng Tây Nguyên, 5,9% và số còn lại (12,2%) là ở vùng Trung du và Miền núi phía Bắc.

4. Đặc điểm và các yếu tố nhân khẩu học - xã hội ảnh hưởng đến mức độ hạnh phúc của phụ nữ

Theo kết quả phân tích số liệu khảo sát 10.770 phụ nữ trong độ tuổi 15-49 tuổi, có 64,4% cho rằng họ hạnh phúc với cuộc sống của mình. Có thể là cùng với sự phát triển và cải thiện trong nền kinh tế, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam đã làm cho chuyển đổi nhân khẩu học, địa vị xã hội của phụ nữ thay đổi cùng với sự gia tăng các hoạt động xã hội và tăng khả năng loại bỏ các yếu tố bất lợi đến cuộc sống từ đó mà phụ nữ có tỷ lệ đạt được hạnh phúc trong cuộc sống khá cao. Nhóm phụ nữ hạnh phúc là những cá nhân đang có những trải nghiệm cảm xúc tích cực và ít có cảm xúc tiêu cực trong cuộc sống và đánh giá chủ quan của họ dựa trên chất lượng cuộc sống của mình mà không cần so sánh với bất kỳ chuẩn mực nào. Những phụ nữ hạnh phúc thường có trải nghiệm về những căng thẳng trong cuộc sống ở mức độ thấp và nhờ đó mà có thể hạn chế được nguy cơ suy giảm sức khỏe, có tinh thần lạc quan và đời sống tinh thần viên mãn. Ngoài ra, hạnh phúc cũng giúp phụ nữ hào hứng với các hoạt động học tập, lao động và sinh hoạt hàng ngày, từ đó thúc đẩy tiềm năng và sự sáng tạo trong mỗi cá nhân.

Để tìm hiểu các yếu tố nhân khẩu học xã hội ảnh hưởng đến mức độ hạnh phúc của phụ nữ 15-49 tuổi trong khi có tính đến sự tác động của các yếu tố khác, mô hình phân tích đa biến hồi quy bằng kỹ thuật logistic được thực hiện và trình bày ở Bảng 1. Các yếu tố được đưa vào phân tích ở mô hình bao gồm tuổi, thành phần dân tộc, trình độ học vấn, tình trạng hôn nhân, số con sống cùng, mức sống, khu vực và vùng. Xác suất phụ nữ đạt được mức độ hạnh phúc trong cuộc sống giữa các nhóm/phân tử nghiên cứu so với nhóm so sánh được chuẩn

hóa và thể hiện ở cột hệ số Exp(B). Tiếp theo là cột giá trị khoảng tin cậy (CI) 95% của hệ số hồi quy với giá trị cận trên và cận dưới, cuối cùng là cột thể hiện số mẫu phân tích (N) ở mỗi nhóm đặc trưng.

Bảng 1. Mô hình hồi quy đa biến logistic về xác suất đạt được mức độ hạnh phúc với cuộc sống của phụ nữ 15-49 tuổi

Yếu tố	Đặc trưng	Hệ số Exp(B)	Khoảng tin cậy (95% CI)		N
Tuổi		0,96***	0,95	0,97	10.769
Thành phần dân tộc	Dân tộc thiểu số (nhóm so sánh)	1			3.870
	Kinh	1,29***	1,10	1,51	6.899
Học vấn	=< Tiểu học (nhóm so sánh)	1			2.826
	Trung học cơ sở	1,16*	1,01	1,33	3.181
	Trung học phổ thông	1,36***	1,16	1,59	2.461
	> Trung học phổ thông	1,77***	1,50	2,10	2.301
Tình trạng hôn nhân	Không có chồng (nhóm so sánh)	1			2.462
	Đang sống với chồng	4,22***	3,71	4,81	8.307
Số con sống cùng		0,86***	0,81	0,91	10.769
Mức sống	Nghèo nhất (nhóm so sánh)	1			3.706
	Nghèo	1,34***	1,16	1,56	1.911
	Trung bình	1,51***	1,29	1,77	1.726
	Khá giả	2,21***	1,87	2,62	1.671
	Giàu	3,45***	2,86	4,16	1.755
Khu vực	Thành thị (nhóm so sánh)	1			3363
	Nông thôn	1,05	0,95	1,16	7406
Vùng	Đồng bằng sông Cửu Long (nhóm so sánh)	1			1638
	Đồng bằng sông Hồng	0,29***	0,25	0,33	1982
	Trung du và miền núi phía Bắc	0,49***	0,41	0,59	2356
	Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	0,73***	0,63	0,85	1387
	Tây Nguyên	0,60***	0,49	0,74	1280
	Đông Nam Bộ	0,44***	0,38	0,51	2126

Ghi chú: Mức ý nghĩa thống kê: * $p < 0,05$; ** $p < 0,01$; *** $p < 0,001$.

Nguồn: Số liệu Điều tra các mục tiêu phát triển bền vững về trẻ em và phụ nữ Việt Nam 2020-2021 (SDGCW).

Yếu tố đầu tiên của đặc trưng cá nhân được xét đến là tuổi của phụ nữ. Nếu giữ nguyên ảnh hưởng của các biến số độc lập khác có trong mô hình thì

tác động của biến số tuổi vẫn được duy trì đối với khả năng đạt được hạnh phúc của phụ nữ và sự tác động này là nghịch biến. Nói cách khác, trong cùng một điều kiện được xác định bởi các biến số độc lập khác có trong mô hình, ở độ tuổi cao hơn thì khả năng đạt được hạnh phúc của phụ nữ càng giảm và cho thấy rất có ý nghĩa thống kê. Kết quả phân tích số liệu cho thấy, khi tăng một tuổi thì mức độ hạnh phúc của phụ nữ lại giảm 0,04 lần. Có thể khi bước vào độ tuổi cao hơn, con người nói chung và phụ nữ nói riêng thường khó tính hơn, xem xét vấn đề, sự kiện kỹ càng hơn, một số người thậm chí khó hòa nhập, thiếu cởi mở với người khác, những người như vậy luôn cảm thấy cô đơn không có người để chia sẻ vui buồn và do đó có mức độ hạnh phúc với cuộc sống thấp hơn. Ngoài ra, ở độ tuổi cao hơn thì con người đối mặt với nhiều khó khăn về cuộc sống, sức khỏe, bệnh tật, năng lực và tinh thần cũng suy giảm vì thế mà mức độ hạnh phúc với cuộc sống cũng suy giảm theo. Nghiên cứu của Lê Ngọc Văn (2019) đã chỉ ra rằng sức khỏe của người dân trong mẫu khảo sát chỉ đạt ở mức trên trung bình và điều này chắc chắn ảnh hưởng đáng kể đến việc thụ hưởng hạnh phúc của người dân (Lê Ngọc Văn, 2019).

Có sự khác biệt theo thành phần dân tộc trong hạnh phúc của phụ nữ 15-49 tuổi trong mẫu khảo sát. Theo kết quả phân tích tương quan hai biến, phụ nữ dân tộc Kinh cho rằng họ hạnh phúc với cuộc sống với tỷ lệ cao nhất, 66,1%, tiếp theo là nhóm phụ nữ dân tộc Khmer, 61,6% và nhóm dân tộc Tày, Thái, Mường, Nùng, 57,2%. Nhóm phụ nữ dân tộc H'Mông có tỷ lệ đánh giá mức độ hạnh phúc với cuộc sống thấp nhất, 44,5%. Kết quả phân tích đa biến cho thấy, phụ nữ dân tộc Kinh có xác suất ở nhóm hạnh phúc cao hơn nhóm phụ nữ người dân tộc thiểu số 1,29 lần và rất có ý nghĩa thống kê ($\text{Exp}(B)=1,29$; 95% CI: 1,10-1,51; $p < 0,001$). Qua đó cho thấy, có thể do ở địa vị của mình, phụ nữ dân tộc thiểu số gặp phải những rào cản văn hóa, xã hội và từ phía gia đình cùng với những định kiến xã hội khác nên họ khó có thể tự mình kiểm soát vượt qua nên có mức độ hạnh phúc với cuộc sống thấp hơn so với phụ nữ người Kinh. Thêm vào đó, có thể là do đời sống vật chất và tinh thần của phụ nữ dân tộc Kinh tốt hơn nên họ có sự đánh giá cuộc sống hạnh phúc cao hơn. Phụ nữ dân tộc Kinh thường tham gia vào thị trường lao động nhiều hơn, nhận được điều kiện giáo dục tốt hơn và có trình độ học vấn cao hơn nên ảnh hưởng đến việc đạt được mức độ hạnh phúc trong cuộc sống của họ cao hơn. Ngoài ra, các nghiên cứu cho rằng quyền lực và nguồn lực đóng vai trò quan trọng hình thành và duy trì mối quan hệ giữa người vợ và người chồng trong gia đình, đặc biệt là trong việc chia sẻ quyền ra quyết định và tham gia vào các công việc của gia đình. Vì vậy, sự không cân bằng về quyền lực và phân công lao động trong gia đình ở các nhóm dân tộc thiểu số có thể là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến

mức độ hạnh phúc của người phụ nữ thấp hơn so với phụ nữ dân tộc Kinh. Đồng thời, ảnh hưởng của yếu tố văn hóa đến cuộc sống của người phụ nữ dân tộc thiểu số theo cách thức là những tư tưởng, giá trị gia trưởng vẫn còn chiếm ưu thế thì quyền lực của phụ nữ bị hạn chế cho dù họ có đóng góp cho gia đình nhiều nguồn lực và không thua kém nam giới vì thế phần nào ảnh hưởng đến hạnh phúc với cuộc sống của phụ nữ dân tộc thiểu số.

Học vấn ảnh hưởng rất có ý nghĩa thống kê đến việc đạt được mức độ hạnh phúc của phụ nữ 15-49 tuổi. Kết quả phân tích đa biến hồi quy cho thấy, so với nhóm phụ nữ có học vấn từ tiểu học trở xuống, xác suất đạt được mức độ hạnh phúc của nhóm phụ nữ có học vấn trung học cơ sở cao hơn 1,16 lần. Khả năng đạt được mức độ hạnh phúc cao hơn ở hai nhóm phụ nữ có học vấn cao là trung học phổ thông và trên trung học phổ thông với hệ số lần lượt là 1,36 và 1,77. Có thể cho rằng nhóm phụ nữ có học vấn cao hơn thường có điều kiện kinh tế - xã hội, địa vị cao hơn, mạng lưới xã hội rộng hơn nên họ có mức độ hạnh phúc cao hơn so với nhóm học vấn thấp hơn. Những phụ nữ học vấn cao có kỹ năng giao tiếp tốt hơn, giúp cho sự giao tiếp giữa vợ và chồng dễ dàng, có sự trao đổi về tình cảm, chia sẻ ý thức trách nhiệm và có cách giải quyết vấn đề khi có những mâu thuẫn trong cuộc sống hiệu quả, vì thế giúp phụ nữ đạt được mức độ hạnh phúc cao hơn so với phụ nữ có học vấn thấp. Thêm vào đó, phụ nữ có học vấn cao có khả năng kiểm soát bản thân tốt và ít khi dễ cho bản thân rơi vào các tình trạng chán nản, buồn bã, họ cũng có kỹ năng duy trì và xây dựng các mối quan hệ tốt đẹp với những người khác, đặc biệt là người chồng và nhờ đó có cuộc sống hạnh phúc. Những phụ nữ có học vấn cao có nhận thức tốt hơn về việc củng cố mối quan hệ gia đình đồng thời có nhiều cơ hội trong việc tiếp nhận và rèn luyện các kỹ năng sống một cách chính thức, dẫn đến khả năng xử lý hài hòa các mối quan hệ trong gia đình và do đó hạnh phúc với cuộc sống cao hơn. Ngược lại, đối với nhóm phụ nữ có học vấn thấp thì quả thật họ gặp nhiều khó khăn hơn trong việc tiếp cận và hưởng thụ các giá trị đời sống vật chất và tinh thần, vì thế mà việc có được hạnh phúc trong cuộc sống hạn chế hơn. Kết quả phân tích của nghiên cứu gợi ý rằng nếu không được đầu tư vào việc nâng cao học vấn thì phụ nữ sẽ gặp nhiều bất lợi hơn trong cuộc sống sau này và do đó ít có hạnh phúc hơn. Từ những phân tích trên cho thấy, việc đạt được hạnh phúc trong cuộc sống của phụ nữ có thể bằng cách tăng cường học vấn. Vì thế, giảm sự chênh lệch trong học vấn là điều hết sức cần thiết trong việc đảm bảo hạnh phúc cho phụ nữ.

Tình trạng hôn nhân có ảnh hưởng rất có ý nghĩa thống kê với mức độ hạnh phúc của phụ nữ khi tính đến sự ảnh hưởng của các biến số khác trong mô hình. Nếu cùng một nhóm tuổi, dân tộc, trình độ học vấn, số lượng con

mức độ hạnh phúc của người phụ nữ thấp hơn so với phụ nữ dân tộc Kinh. Đồng thời, ảnh hưởng của yếu tố văn hóa đến cuộc sống của người phụ nữ dân tộc thiểu số theo cách thức là những tư tưởng, giá trị gia trưởng vẫn còn chiếm ưu thế thì quyền lực của phụ nữ bị hạn chế cho dù họ có đóng góp cho gia đình nhiều nguồn lực và không thua kém nam giới vì thế phần nào ảnh hưởng đến hạnh phúc với cuộc sống của phụ nữ dân tộc thiểu số.

Học vấn ảnh hưởng rất có ý nghĩa thống kê đến việc đạt được mức độ hạnh phúc của phụ nữ 15-49 tuổi. Kết quả phân tích đa biến hồi quy cho thấy, so với nhóm phụ nữ có học vấn từ tiểu học trở xuống, xác suất đạt được mức độ hạnh phúc của nhóm phụ nữ có học vấn trung học cơ sở cao hơn 1,16 lần. Khả năng đạt được mức độ hạnh phúc cao hơn ở hai nhóm phụ nữ có học vấn cao là trung học phổ thông và trên trung học phổ thông với hệ số lần lượt là 1,36 và 1,77. Có thể cho rằng nhóm phụ nữ có học vấn cao hơn thường có điều kiện kinh tế - xã hội, địa vị cao hơn, mạng lưới xã hội rộng hơn nên họ có mức độ hạnh phúc cao hơn so với nhóm học vấn thấp hơn. Những phụ nữ học vấn cao có kỹ năng giao tiếp tốt hơn, giúp cho sự giao tiếp giữa vợ và chồng dễ dàng, có sự trao đổi về tình cảm, chia sẻ ý thức trách nhiệm và có cách giải quyết vấn đề khi có những mâu thuẫn trong cuộc sống hiệu quả, vì thế giúp phụ nữ đạt được mức độ hạnh phúc cao hơn so với phụ nữ có học vấn thấp. Thêm vào đó, phụ nữ có học vấn cao có khả năng kiểm soát bản thân tốt và ít khi để cho bản thân rơi vào các tình trạng chán nản, buồn bã, họ cũng có kỹ năng duy trì và xây dựng các mối quan hệ tốt đẹp với những người khác, đặc biệt là người chồng và nhờ đó có cuộc sống hạnh phúc. Những phụ nữ có học vấn cao có nhận thức tốt hơn về việc củng cố mối quan hệ gia đình đồng thời có nhiều cơ hội trong việc tiếp nhận và rèn luyện các kỹ năng sống một cách chính thức, dẫn đến khả năng xử lý hài hòa các mối quan hệ trong gia đình và do đó hạnh phúc với cuộc sống cao hơn. Ngược lại, đối với nhóm phụ nữ có học vấn thấp thì quả thật họ gặp nhiều khó khăn hơn trong việc tiếp cận và hưởng thụ các giá trị đời sống vật chất và tinh thần, vì thế mà việc có được hạnh phúc trong cuộc sống hạn chế hơn. Kết quả phân tích của nghiên cứu gợi ý rằng nếu không được đầu tư vào việc nâng cao học vấn thì phụ nữ sẽ gặp nhiều bất lợi hơn trong cuộc sống sau này và do đó ít có hạnh phúc hơn. Từ những phân tích trên cho thấy, việc đạt được hạnh phúc trong cuộc sống của phụ nữ có thể bằng cách tăng cường học vấn. Vì thế, giảm sự chênh lệch trong học vấn là điều hết sức cần thiết trong việc đảm bảo hạnh phúc cho phụ nữ.

Tình trạng hôn nhân có ảnh hưởng rất có ý nghĩa thống kê với mức độ hạnh phúc của phụ nữ khi tính đến sự ảnh hưởng của các biến số khác trong mô hình. Nếu cùng một nhóm tuổi, dân tộc, trình độ học vấn, số lượng con

sống cùng, mức sống, nơi cư trú nhưng nhóm phụ nữ đang sống cùng với chồng có xác suất hạnh phúc cao hơn nhóm phụ nữ độc thân (không sống cùng chồng do góa, ly hôn, ly thân hoặc chưa bao giờ kết hôn). Theo đó, hệ số hồi quy từ mô hình cho thấy, xác suất đạt được mức độ hạnh phúc của nhóm phụ nữ đang sống cùng với chồng cao hơn 4,22 lần so với nhóm phụ nữ đang không sống chung với chồng (Exp (B)=4,22; 95% CI: 37,1-4,81; $p < 0,001$). Tác động của biến số đang sống cùng với chồng đối với xác suất đạt được mức độ hạnh phúc của phụ nữ là mạnh nhất trong mô hình. Qua đó cho thấy, phụ nữ độc thân có những khó khăn trong việc thích nghi với những diễn biến, thay đổi trong cuộc sống và khó có được hạnh phúc vì không/chưa tìm thấy tình yêu trong cuộc đời của mình. Ngược lại, việc kết hôn và gắn bó với người chồng giúp phụ nữ hạnh phúc bởi họ được chia sẻ những vấn đề về tình cảm, kinh tế, mối quan tâm và sở thích, chăm sóc con và gia đình. Có thể nhận thấy rằng, mối quan hệ xã hội với người chồng trong hôn nhân có thể cung cấp các loại hỗ trợ xã hội khác nhau cho người phụ nữ như hình thức hỗ trợ tinh thần (ví dụ người chồng sẵn sàng lắng nghe hoặc bày tỏ sự cảm thông hoặc đưa ra lời khuyên trong thời gian khủng hoảng, khó khăn), hỗ trợ công cụ (giúp đỡ các công việc cần đến thể chất) và hỗ trợ tài chính. Tất cả các hình thức hỗ trợ xã hội này dường như có những tác động khác nhau đối với hạnh phúc của phụ nữ. Nói cách khác, hôn nhân (mối quan hệ xã hội mật thiết nhất) là một yếu tố ảnh hưởng quan trọng đến hạnh phúc của phụ nữ.

Số con sống cùng có ảnh hưởng đến hạnh phúc của phụ nữ theo xu hướng nghịch biến, nghĩa là càng nhiều con sống cùng hơn thì xác suất đạt được hạnh phúc của phụ nữ lại giảm xuống. Theo kết quả phân tích, khi có thêm một con sống cùng thì xác suất đạt được hạnh phúc của phụ nữ giảm 0,14 lần. Giá trị tinh thần từ phía con mang lại cho người phụ nữ được thể hiện qua mức độ hạnh phúc. Tuy nhiên, việc có nhiều con hơn lại làm cho việc đạt được hạnh phúc của phụ nữ giảm xuống, có thể sự khác biệt về nhận thức là một trong những đặc điểm nổi bật về sự xung đột giữa người phụ nữ và con. Khi làm mẹ và sống cùng lúc với nhiều con hơn thì phụ nữ phải dành nhiều thời gian chăm sóc và nuôi dưỡng con hơn. Do đó, phụ nữ khó có được hạnh phúc vì không dành đủ thời gian chăm sóc bản thân để tái tạo năng lượng cho chính mình. Mối quan hệ với con được xem là yếu tố quyết định hình thành nên đời sống tinh thần và đánh giá của phụ nữ về hạnh phúc của bản thân. Thông thường các mối quan hệ cha mẹ và con đều không cân bằng, trong đó cha mẹ thường là người đáp ứng các nhu cầu của con vì thế nếu có mối quan hệ với nhiều con mà không đáp ứng với mong đợi của người mẹ, không theo xu hướng hòa đồng, có nhiều mâu thuẫn, khó khăn thì có khả năng làm cho phụ nữ phải đối mặt với nhiều căng thẳng hơn

vì thế khó mà đạt được hạnh phúc trong cuộc sống. Thêm vào đó, có nhiều con sống cùng nghĩa là phụ nữ có những đứa con đang trong quá trình trưởng thành hoặc đang ở tuổi vị thành niên, nên có thể những thay đổi trong sinh lý, cảm xúc, nhận thức của con dẫn đến những căng thẳng trong mối quan hệ với người phụ nữ nên họ khó đạt được mức độ hạnh phúc so với những người khác. Qua đó cho thấy, hạnh phúc của phụ nữ có được một phần là dựa vào sự hài hòa của các mối quan hệ trong gia đình, trong đó có mối quan hệ với con. Khi điều kiện vật chất và các đặc trưng khác đáp ứng được những nhu cầu thiết yếu của cá nhân thì yếu tố quyết định hạnh phúc của phụ nữ còn là chất lượng mối quan hệ với con. Việc nuôi dưỡng tốt và có được các mối quan hệ gia đình, đặc biệt là mối quan hệ với chồng và con là điểm tựa cho hạnh phúc của phụ nữ. Chất lượng mối quan hệ, sự gắn bó với con, đặc biệt là về mặt tâm lý, cảm xúc có ý nghĩa rất quan trọng trong việc có được hạnh phúc với cuộc sống nói chung của phụ nữ. Quan điểm sâu xa hơn đó là các nhà hoạch định chính sách cần chú ý để có những khuyến nghị, giải pháp phù hợp nhằm tăng cường vai trò của phụ nữ trong vấn đề kiểm soát mức sinh qua đó tăng khả năng đạt được mức độ hạnh phúc cho mình.

Đánh giá mức độ hạnh phúc với cuộc sống của phụ nữ không chỉ đánh giá nhận thức về cuộc sống nói chung mà còn có thể đo lường trực tiếp thông qua sự hài lòng với việc làm, thu nhập và điều kiện sống của họ. Điều này có nghĩa rằng, đánh giá mức độ hạnh phúc với cuộc sống của phụ nữ không chỉ căn cứ trên nhận thức về hạnh phúc mà còn phụ thuộc vào kết quả của hoạt động sống. Kết quả phân tích cho thấy mức sống của hộ gia đình ảnh hưởng rất có ý nghĩa thống kê đến mức độ hạnh phúc của phụ nữ và mức sống cao hơn thì khả năng người phụ nữ có cuộc sống hạnh phúc cũng cao hơn. Theo kết quả phân tích hai biến, tỷ lệ phụ nữ ở nhóm mức sống nghèo nhất cho rằng họ hạnh phúc với cuộc sống là 53,4%, tỷ lệ này tăng lên đạt 62,2% ở nhóm có mức sống trung bình và đạt 75,1% ở nhóm có mức sống giàu nhất. Kết quả phân tích đa biến cho thấy, mức sống của hộ gia đình ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đến xác suất đạt được hạnh phúc của phụ nữ. So với nhóm phụ nữ ở hộ gia đình có mức sống nghèo nhất (nhóm so sánh), phụ nữ trong hộ gia đình có mức sống cao nhất có xác suất đạt được hạnh phúc cao hơn 3,45 lần ($\text{Exp}(B)=3,45$; 95% CI: 2,86-4,16; $p<0,001$). Từ kết quả phân tích cho thấy, yếu tố kinh tế, điều kiện sống của gia đình có vai trò rất quan trọng trong việc đạt được hạnh phúc của con người nói chung và của phụ nữ nói riêng. Phụ nữ sống ở gia đình mức sống cao hơn sẽ có nguồn lực về tài chính, kinh tế nên họ có được mức độ hạnh phúc trong cuộc sống cao hơn. Ngược lại, do những khó khăn và áp lực về kinh tế khiến cho phụ nữ ở hộ gia đình nghèo hơn đánh giá mức độ hạnh phúc với cuộc sống của bản thân thấp hơn. Những vất vả trong đời sống vật chất và cuộc sống mưu sinh đã

dẫn đến việc đánh giá không hạnh phúc với cuộc sống của phụ nữ. Thu nhập thấp cùng với công việc không ổn định ảnh hưởng đến các mối quan hệ làm gia tăng tình trạng xung đột trong gia đình, điều đó dẫn đến việc tự đánh giá hạnh phúc với tỷ lệ thấp hơn của phụ nữ ở nhóm mức sống thấp hơn trong mẫu khảo sát. Điều kiện sống của hộ gia đình yếu kém hơn ảnh hưởng đến hạnh phúc của phụ nữ là do họ có ít nguồn lực hơn và chi phí cơ hội cao hơn trong việc chăm sóc đời sống vật chất, sức khỏe, thể chất và tinh thần cũng như thỏa mãn những nhu cầu cơ bản khác của bản thân trong cuộc sống. Qua đó cho thấy, yếu tố sinh tồn đáp ứng nhu cầu sống cơ bản là rất quan trọng trong việc đảm bảo hạnh phúc cho người phụ nữ. Điều kiện sống đầy đủ về vật chất sẽ mang lại sự thoải mái và sự viên mãn trong cuộc sống và từ đó mang lại hạnh phúc cho phụ nữ, vì vậy đáp ứng điều kiện sống tốt hơn là yếu tố rất quan trọng đảm bảo hạnh phúc cho phụ nữ. Kết quả phân tích cũng cho thấy, mặc dù đất nước đang phát triển và đạt được tiến bộ tích cực nhưng sự phát triển kinh tế chung của đất nước vẫn cần phải được cải thiện để đảm bảo hạnh phúc cho người dân nói chung và cho phụ nữ nói riêng.

Theo nhận định chủ quan thông thường, phụ nữ ở khu vực thành thị có thể sẽ đạt được mức độ hạnh phúc cao hơn phụ nữ ở khu vực nông thôn do điều kiện sống tốt hơn. Tuy nhiên, kết quả phân tích của nghiên cứu không chứng minh cho điều này. Theo đó, giá trị của biến số nơi cư trú là nông thôn không có sự khác biệt so với thành thị trong sự ảnh hưởng đến khả năng đạt được mức độ hạnh phúc của phụ nữ. Kết quả này có thể gây ngạc nhiên vì ở những khu vực nông thôn được biết đến là có cuộc sống vật chất khó khăn, điều kiện sống thấp hơn so với khu vực thành thị và do đó mà cá nhân có mức độ hạnh phúc thấp hơn. Kết quả nghiên cứu cho thấy mặc dù sống ở khu vực còn nhiều khó khăn nhưng phụ nữ nông thôn vẫn không bi quan và đánh giá mức độ hạnh phúc với cuộc sống của họ không khác biệt so với phụ nữ ở khu vực thành thị. Nói cách khác, nhóm phụ nữ nông thôn bằng lòng và đạt được sự thỏa mãn nhất định về các khía cạnh của hạnh phúc trong bối cảnh và điều kiện kinh tế xã hội của bản thân.

Biến số vùng địa lý, kinh tế - xã hội có tác động rất có ý nghĩa thống kê đến xác suất đạt được hạnh phúc của phụ nữ khi tính đến tác động của các biến số khác có trong mô hình. Kết quả phân tích đa biến cho thấy, phụ nữ ở các vùng có xác suất đạt được hạnh phúc thấp hơn so với đồng bằng sông Cửu Long (vùng làm giá trị so sánh). Theo đó, xác suất đạt được hạnh phúc của phụ nữ ở vùng đồng bằng sông Hồng chỉ bằng 0,28 lần so với phụ nữ ở đồng bằng sông Cửu Long, trong khi đó hệ số của vùng Đông Nam Bộ là 0,86. Điều này một phần thể hiện đặc điểm văn hóa của vùng đồng bằng sông Cửu Long đó là người phụ nữ

thường ở nhà làm công việc nội trợ, không phải chịu nhiều áp lực của cuộc sống nên họ có mức độ hạnh phúc cao hơn so với phụ nữ ở các vùng khác trong cả nước. Qua đó cho thấy, những phong tục tập quán hay rộng hơn là văn hóa của vùng địa lý, cộng đồng góp phần không nhỏ tới việc thực hiện các chức năng của gia đình, chất lượng cuộc sống và mức độ đánh giá về hạnh phúc với cuộc sống của người phụ nữ.

5. Kết luận

Nghiên cứu về hạnh phúc với cuộc sống của phụ nữ 15-49 tuổi ở Việt Nam được phân tích dựa trên việc tự đánh giá của những người được thu thập ý kiến về mức độ hạnh phúc của bản thân họ. Theo kết quả phân tích, 64,4% phụ nữ trong mẫu khảo sát cho rằng họ hạnh phúc với cuộc sống của mình. Những phụ nữ chưa đạt được mức độ hạnh phúc trong cuộc sống có thể là do họ còn đang gặp những khó khăn vật chất và tinh thần nên có những cảm xúc tiêu cực về cuộc sống.

Mục đích của nghiên cứu là kiểm nghiệm những yếu tố về đặc trưng nhân khẩu học - xã hội của cá nhân và đặc trưng gia đình có sự ảnh hưởng như thế nào đến việc đạt được mức độ hạnh phúc với cuộc sống của phụ nữ và kết quả phân tích cho thấy tầm quan trọng và ý nghĩa của từng yếu tố. Kết quả phân tích hồi quy đa biến bằng kỹ thuật logistic cho thấy, ngoài yếu tố nơi cư trú thành thị - nông thôn, việc có được hạnh phúc trong cuộc sống của phụ nữ phụ thuộc vào những đặc trưng cá nhân và gia đình như tuổi, thành phần dân tộc, học vấn, tình trạng hôn nhân, số con sống cùng, mức sống và vùng địa lý kinh tế. Theo đó, phụ nữ ở nhóm tuổi trẻ hơn, dân tộc Kinh, đang sống cùng với chồng, có số con sống cùng ít hơn, học vấn và mức sống cao hơn, ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long có mức độ hạnh phúc với cuộc sống cao hơn so với nhóm phụ nữ có các đặc trưng khác. Kết quả nghiên cứu của bài viết góp phần cung cấp bằng chứng cho các nhà hoạch định chính sách để có thể cải thiện các chính sách liên quan đến phụ nữ. Các chính sách cần được tập trung nhiều hơn vào nhóm phụ nữ trung niên, dân tộc thiểu số, mức sống thấp và các cách thức mang lại hạnh phúc cho phụ nữ có thể thực hiện thông qua việc cải thiện giáo dục, mối quan hệ xã hội.

Gia đình là môi trường xã hội quan trọng cho sự phát triển đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ và một môi trường gia đình lành mạnh, đầy đủ và phù hợp sẽ góp phần không chỉ xây dựng gia đình khỏe mạnh mà còn đảm bảo hạnh phúc cho phụ nữ. Việc nuôi dưỡng tốt các mối quan hệ gia đình là tạo điểm tựa cho hạnh phúc cá nhân của phụ nữ. Các giải pháp, chính sách mang lại hạnh

phúc cho phụ nữ không chỉ chú trọng đến yếu tố vật chất, điều kiện sống mà còn tính đến các yếu tố văn hóa - tinh thần, đặc biệt là chất lượng mối quan hệ với các thành viên trong gia đình.

Trong thời gian tới, những biến đổi kinh tế - xã hội do quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế sẽ mang lại cho phụ nữ những cơ hội về nâng cao trình độ học vấn và đời sống tinh thần, họ sẽ có nghề nghiệp năng động hơn và thu nhập cao hơn, sinh ít con, tăng cường sự bình đẳng và nhờ đó dẫn đến việc phụ nữ sẽ đạt được mức độ hạnh phúc với cuộc sống nhiều hơn.

Tài liệu trích dẫn

- Bùi Thị Hương Trâm. 2021. "Bình đẳng giới và hạnh phúc - Chủ đề nghiên cứu trọng tâm trong Báo cáo hạnh phúc thế giới". *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 4, tr. 130-138.
- Đặng Thị Hoa. 2017. "Quan niệm về hạnh phúc của người dân tộc thiểu số (Nghiên cứu trường hợp tại tỉnh Sơn La)". *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 2, tr. 59-70.
- Helliwell, J. F, Layard, R., and Sachs, J. 2017. *World happiness report 2017*. Sustainable Development Solutions Network, New York.
- Helliwell, J. F, Richard Layard, Jeffrey D. Sachs, and Jan-Emmanuel De Neve. 2020. *World happiness report 2020*. Sustainable Development Solutions Network, New York.
- Hock-Eam Lim, Daigee Shaw, Pei-Shan Liao, Hongbo Duan. 2020. "The effects of income on happiness in East and South Asia: Societal values matter?" *Journal of Happiness Studies*, vol. 21, pp. 391-415.
- Hori, M., Kamo, Y. 2018. "Gender Differences in happiness: the effects of marriage, social roles, and social support in East Asia". *Applied Research Quality Life*, vol. 13, pp. 839-857. <https://doi.org/10.1007/s11482-017-9559-y>.
- Lê Ngọc Văn. 2017. "Hạnh phúc và sự cần thiết nghiên cứu hạnh phúc ở Việt Nam". *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 2, tr. 3-14.
- Lê Ngọc Văn. 2019. *Hạnh phúc của người Việt Nam: Khái niệm, cách tiếp cận và chỉ số đánh giá*. Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Maryam Azizi, Fathola Mohamadian, Mozghan Ghajaricah, Ashraf Direkvand-Moghadam. 2017. "The effect of individual factors, socioeconomic and social participation on individual happiness: A cross-sectional study". *Journal of Clinical and Diagnostic Research*, vol. 11, pp. VC01-VC04. <https://www.doi.org/10.7860/JCDR/2017/24658/9982>.